

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *431*/STNMT-VP

Điện Biên, ngày 08 tháng 6 năm 2018

V/v phối hợp cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT năm 2018.

Kính gửi: Thông tin và Truyền thông

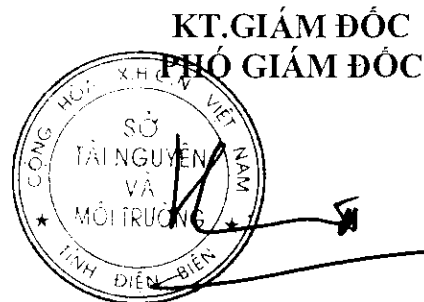
Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 539/STTTT-CNTT ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc phối hợp cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT năm 2018. Sau khi rà soát, tổng hợp Sở Tài nguyên và Môi trường gửi các biểu báo cáo như sau:

(Có biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là biểu mẫu cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT.



Phan Hiền

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU VỀ MỨC ĐỘ SẴN SẴNG
CHO PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CNTT-TT NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Áp dụng đối với Sở, ban, ngành chung)

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên cơ quan/đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
1	Tổng số cán bộ công chức, viên chức (CCVC) trong cơ quan/đơn vị	Người	159	156	Chuyên công tác
2	Tổng số thủ tục hành chính (TTHC) còn hiệu lực của đơn vị	Thủ tục	94	94	

B. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ				
1	Tổng số máy tính trong cơ quan, đơn vị	Máy			
1.1	Máy tính để bàn	Máy			
1.2	Máy tính xách tay	Máy			
1.3	Máy chủ	Máy	1	1	
2	Tổng số máy tính có kết nối Internet	Máy			
3	Tổng băng thông kết nối Internet của đơn vị theo từng loại kết nối (kbps)	Kbps			
3.1	Leased Line	Kbps			
3.2	FTTH	Kbps			
3.3	xDSL (ADSL và SDSL)	Kbps	1	1	
3.4	Băng rộng khác	Kbps			
4	Hệ thống hội nghị trực tuyến (Đánh dấu X vào ô)		Có	x	Không
5	Triển khai hệ thống an toàn thông tin, an toàn dữ liệu				
5.1	Tổng số máy tính trong đơn vị có cài đặt các phần mềm diệt và phòng chống virus	Máy tính	159	156	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
5.2	Triển khai giải pháp an toàn thông tin (Đánh dấu X vào ô năm tương ứng)				
•	Tường lửa				
•	Lọc thư rác				
•	Phần mềm bảo mật/điệt virus		159	156	
•	Hệ thống cảnh báo truy nhập trái phép				
•	Giải pháp khác (Ghi rõ tên giải pháp)				
5.3	Triển khai giải pháp an toàn dữ liệu(Đánh dấu X vào ô năm tương ứng)				
•	Băng từ	Đơn vị			
•	Tủ đĩa	Đơn vị			
•	SAN	Đơn vị			
•	NAS	Đơn vị			
•	DAS	Đơn vị			
•	Giải pháp khác (Ghi rõ tên giải pháp)	Đơn vị			
6	Tổng đầu tư từ NSNN cho hạ tầng kỹ thuật của đơn vị	VND			
7	Tổng đầu tư từ NSNN cho hạ tầng an toàn thông tin của đơn vị	VND			

C. HẠ TẦNG NHÂN LỰC CNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
	HẠ TẦNG NHÂN LỰC CỦA CƠ QUAN				
1	Tổng số cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT của đơn vị	Người	3	3	
2	Tổng số cán bộ chuyên trách/phụ trách về CNTT có trình độ đại học trở lên	Người	3	3	
3	Tổng số cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của đơn vị	Người	1	1	
4	Tổng số lượt CCVC của đơn vị được hướng dẫn sử dụng các phần mềm nguồn mở thông dụng (OpenOffice, ThunderBird, FireFox và Unikey hoặc các phần mềm nguồn mở khác) trong năm	Người	159	156	
5	Tổng số lượt CCVC của đơn vị được tập huấn về an toàn thông tin trong năm	Người			
6	Tổng chi cho đào tạo CNTT của đơn vị	VND			

D. ỨNG DỤNG CNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
1	Tổng số CCVC của đơn vị được cấp hòm thư điện tử chính thức (địa chỉ thư điện tử công vụ có dạng: @dienbien.gov.vn)	Người		30	
2	Tổng số CCVC của đơn vị sử dụng thư điện tử chính thức trên trong công việc	Người		30	
3	Triển khai các ứng dụng cơ bản (nếu có sử dụng đề nghị tích X vào ô năm tương ứng)				
•	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Đơn vị	x	x	
•	Quản lý nhân sự	Đơn vị			
•	Quản lý tài chính - kế toán	Đơn vị	x	x	
•	Quản lý tài sản cố định	Đơn vị			
•	Hệ thống một cửa điện tử	Đơn vị			
•	Ứng dụng chữ ký số	Đơn vị			
•	Ứng dụng khác (Liệt kê chi tiết)	Đơn vị			
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Cung cấp tại Phụ lục I - CSDL chuyên ngành)				
5	Sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan và các đơn vị trực thuộc				
5.1	Triển khai các văn bản điện tử (nếu có sử dụng đề nghị tích X vào ô năm tương ứng)				
5.1.1	Nội bộ		x	x	
•	Giấy mời họp		x	x	
•	Tài liệu phục vụ cuộc họp		x	x	
•	Văn bản đề biết, đề báo cáo		x	x	
•	Thông báo chung của cơ quan		x	x	
•	Các tài liệu cần trao đổi trong quá trình xử lý công việc		x	x	
•	Các hoạt động nội bộ khác (ghi cụ thể)				
5.1.2	Với cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài				
•	Văn bản hành chính				
•	Hồ sơ công việc				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
•	Gửi bản điện tử kèm theo văn bản giấy cho UBND các cấp				
6	Triển khai ứng dụng phần mềm nguồn mở				
6.1	Tại cơ quan, đơn vị				
•	Tỷ lệ máy trạm cài đặt phần mềm văn phòng OpenOffice:	%			
•	Tỷ lệ máy trạm cài đặt phần mềm thư điện tử ThunderBird:	%			
•	Tỷ lệ máy trạm cài đặt phần mềm trình duyệt web FireFox:	%	70,00%	70,00%	
•	Tỷ lệ máy trạm cài đặt phần mềm bộ gõ tiếng Việt Unikey:	%	100,00%	100,00%	
•	Tỷ lệ máy trạm cài đặt hệ điều hành PMNM:	%			
•	Tỷ lệ máy chủ cài đặt hệ điều hành PMNM:	%			
6.2	Tổng số CCVC trong đơn vị sử dụng các phần mềm nguồn mã thông dụng trong công việc:	Người	159	156	
6.3	Các PMNM do các đơn vị chuyên trách CNTT của các Bộ, ngành, và các đơn vị trực thuộc tự phát triển hoặc thuê đơn vị khác phát triển và đã triển khai ứng dụng cho cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc sử dụng (Cung cấp tại Phụ lục II- Phần mềm nguồn mở)				
7	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ			
7.1	Tổng số dịch vụ hành chính công của đơn vị	Dịch vụ			
7.2	Tổng số dịch vụ công trực tuyến của đơn vị ở tất cả các mức độ	Dịch vụ			
	Chia ra				
7.2.1	Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ			
7.2.2	Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Dịch vụ		1	
7.2.3	Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2	Dịch vụ	94	94	
7.2.4	Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1	Dịch vụ			
8	Tổng đầu tư từ NSNN cho ứng dụng CNTT của đơn vị	VND			

THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU

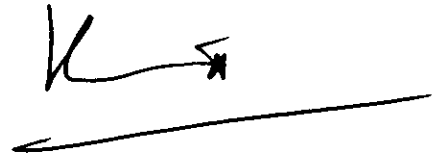
•	Họ và tên	Nguyễn Hữu Cư
•	Bộ phận công tác	Bộ phận tiếp nhận và tra kết quả
•	Chức vụ	Chuyên viên

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Giải thích biến động
•	Điện thoại cố định	0215 3811 328			
•	Di động				
•	Email	vpsotn@gmail.com			

Người kê khai



Điện Biên, ngày 8 tháng 6 năm 2018
Lãnh đạo Cơ quan, đơn vị



UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC II - DANH SÁCH CÁC PHẦN MỀM NGUỒN MỞ TỰ PHÁT TRIỂN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

TT	Tên phần mềm nguồn mở	Lĩnh vực ứng dụng	Thời gian đã triển		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2017	
1	Phần mềm SharePoint	Cổng thông tin điện tử tnmtdienbien.gov.vn	x	x	

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC I - DANH SÁCH CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

TT	Tên cơ sở dữ liệu	Ghi chú
I	CSDL đang chuẩn bị	
I	CSDL Địa chính huyện Tủa Chùa	
II	CSDL đang xây dựng	
III	CSDL đã đưa vào sử dụng	
I	CSDL Địa chính thành phố Điện Biên Phủ	